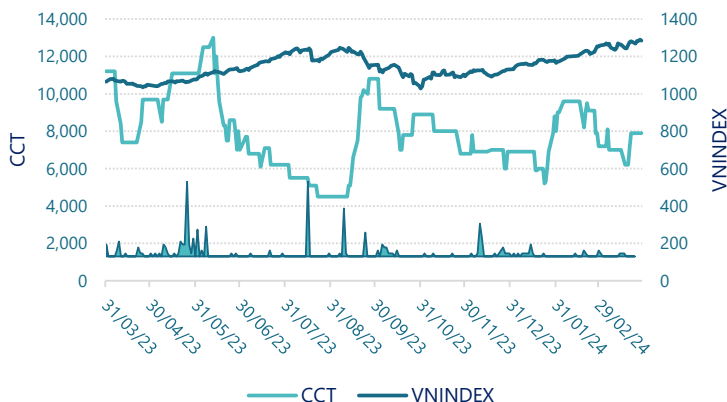




CTCP Cảng Cần Thơ (UPCOM: CCT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	7,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,500
SL cổ phiếu LH	28,480,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
P/E	31.5
EPS	251

DT thuần

Q1/24

34.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.70 | -11.8%

YoY: ▼0.70 | -1.9%

LN sau thuế

Q1/24

0.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.17 | -60.9%

YoY: ▲ 0.69 | 1152%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

7.2%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần

2023

147

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0 | 13.4%

LN sau thuế

2023

6.45

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.45 | 544%

ROE

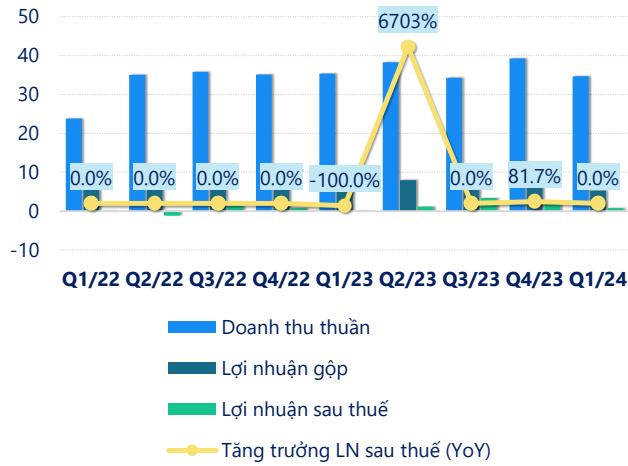
2023

2.4%

+/- YoY: ▲ 2.0%

tỷ VNĐ

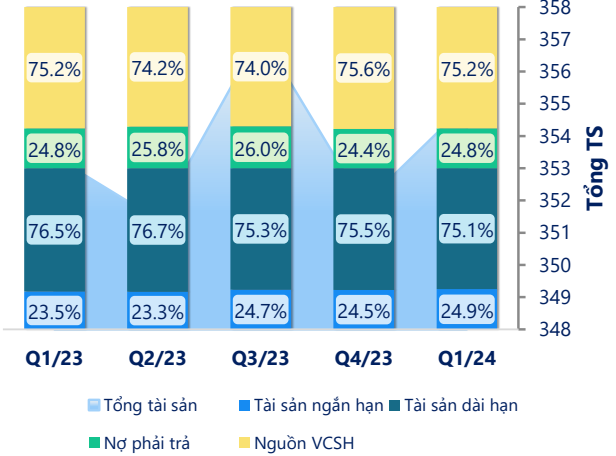
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

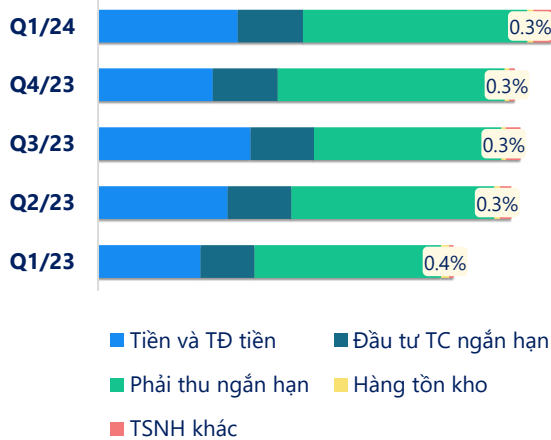
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



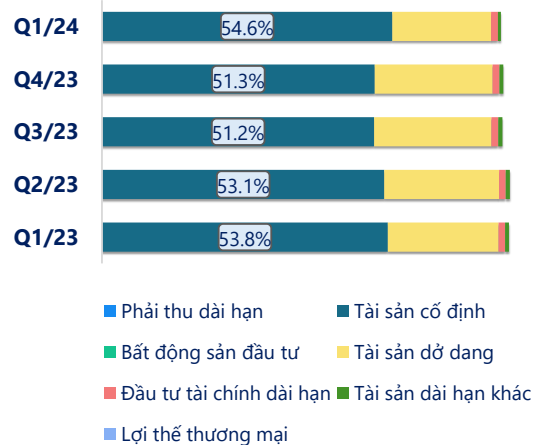
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

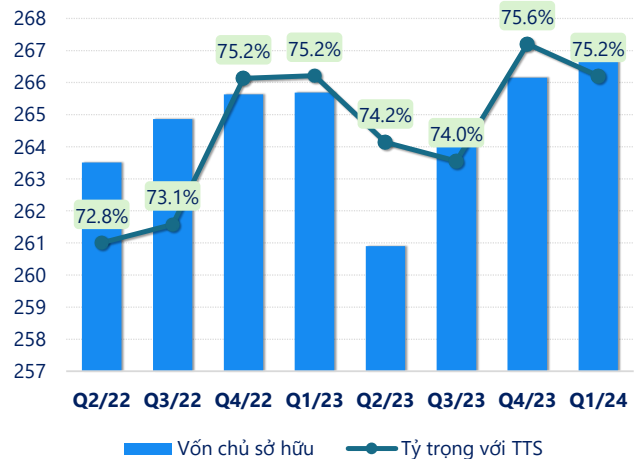
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

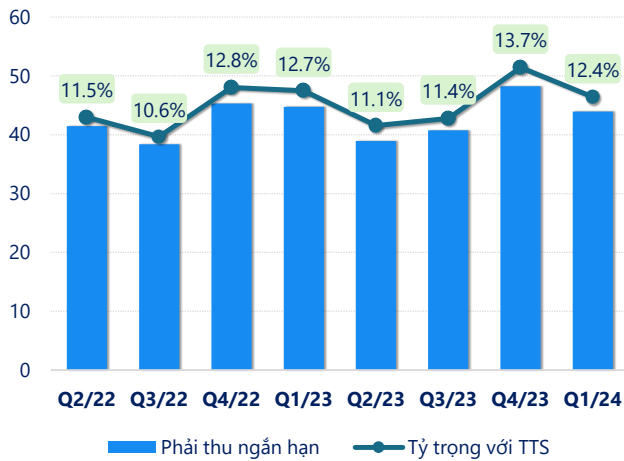
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



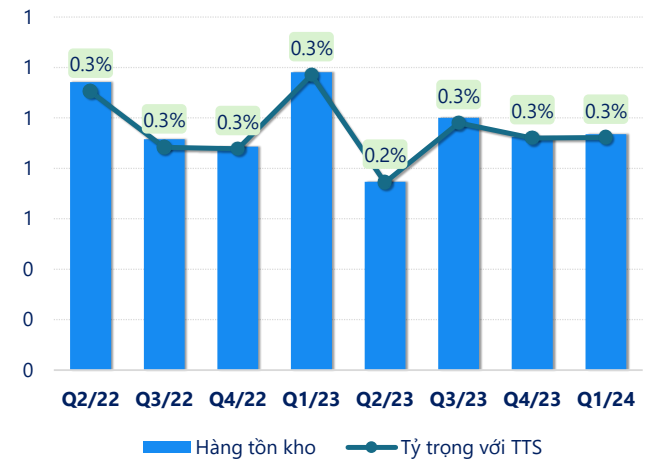
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


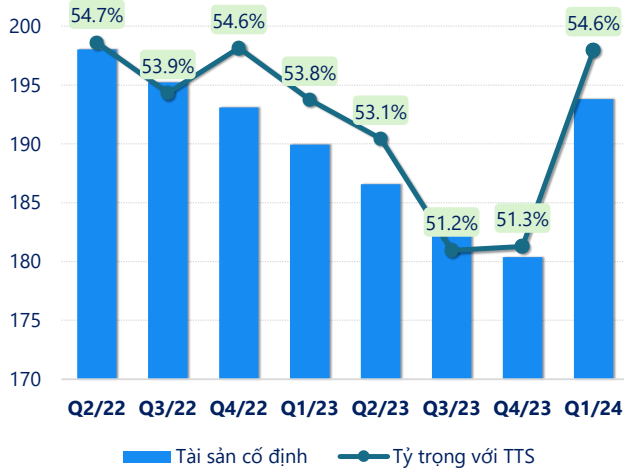
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


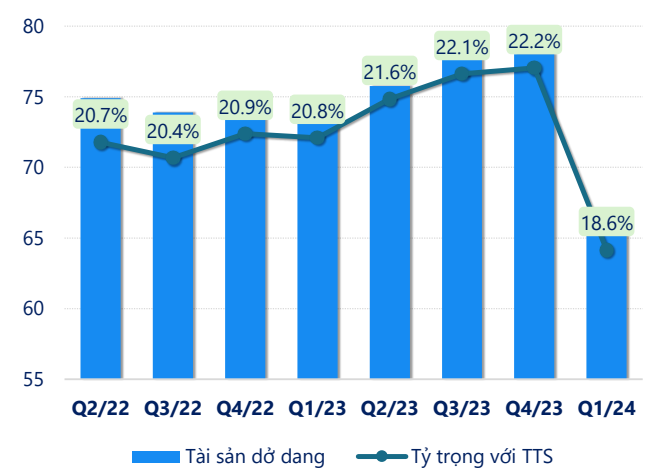
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

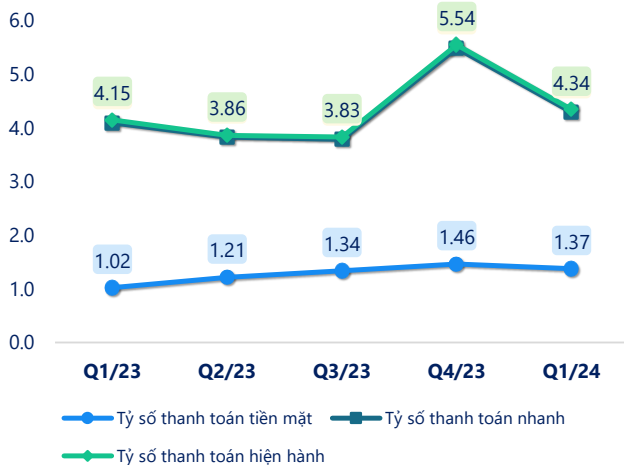
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

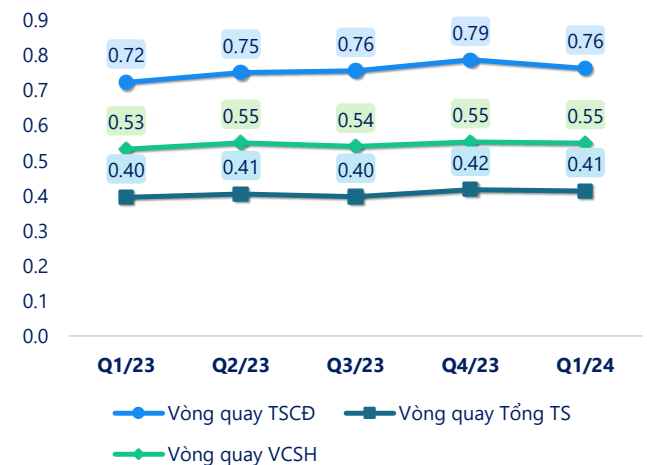
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	353	351	357	352	355
Tài sản ngắn hạn	83.0	81.8	88.1	86.3	88.6
Tiền và tương đương tiền	20.4	25.7	30.7	22.7	28.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	13.1	13.1	13.4	14.7
Phải thu ngắn hạn	44.7	38.9	40.8	48.3	43.9
Hàng tồn kho	1.18	0.75	1.00	0.93	0.94
Tài sản ngắn hạn khác	3.64	3.36	2.54	0.92	0.94
Tài sản dài hạn	270	270	269	266	266
Phải thu dài hạn	0.06	0.07	0.07	0.07	0.07
Tài sản cố định	190	187	183	180	194
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	73.5	75.8	78.8	78.0	65.9
Đầu tư tài chính dài hạn	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Tài sản dài hạn khác	2.43	2.70	2.90	2.66	2.16
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	87.7	90.5	92.9	85.7	88.1
Nợ ngắn hạn	20.0	21.2	23.0	15.6	20.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.05	6.72	5.04	3.36	5.06
Phải trả người bán ngắn hạn	3.42	2.96	2.51	3.44	5.44
Nợ dài hạn	67.7	69.3	69.9	70.2	67.7
Vay và nợ thuê dài hạn	37.6	36.9	36.9	36.9	33.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	266	261	264	266	267
Vốn chủ sở hữu	266	261	264	266	267
Vốn điều lệ	275	275	275	275	275
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)